

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Vì Dự-lưu hướng, Dự-lưu quả vô sanh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô sanh.; Nhất-lai hướng, Nhất-lai quả, Bất-hoàn hướng, Bất-hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả vô sanh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô sanh; vì Dự-lưu hướng, Dự-lưu quả vô diệt nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô diệt; Nhất-lai hướng cho đến A-la-hán quả vô diệt nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô diệt; vì Dự-lưu hướng, Dự-lưu quả vô tự tánh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tự tánh; Nhất-lai hướng cho đến A-la-hán quả vô tự tánh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tự tánh; vì Dự-lưu hướng, Dự-lưu quả vô sở hữu nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô sở hữu; Nhất-lai hướng cho đến A-la-hán quả vô sở hữu nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô sở hữu; Dự-lưu hướng, Dự-lưu quả là không, nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng là không; Nhất-lai hướng cho đến A-la-hán quả là không nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng là không; vì Dự-lưu hướng, Dự-lưu quả vô tướng nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tướng; Nhất-lai hướng cho đến A-la-hán quả vô tướng nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì Dự-lưu hướng, Dự-lưu quả vô nguyên nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô nguyên; Nhất-lai hướng cho đến A-la-hán quả vô nguyên nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô nguyên; vì Dự-lưu hướng, Dự-lưu quả viễn ly nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng viễn ly; Nhất-lai hướng cho đến A-la-hán quả viễn ly nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng viễn ly; vì Dự-lưu hướng, Dự-lưu quả tịch tịnh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng tịch tịnh; Nhất-lai hướng cho đến A-la-hán quả tịch tịnh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng tịch tịnh; vì Dự-lưu hướng, Dự-lưu quả bất khả đắc nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng bất khả đắc; Nhất-lai hướng cho đến A-la-hán quả bất khả đắc nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng bất khả đắc; vì Dự-lưu hướng, Dự-lưu quả bất khả tư nghì nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng bất khả tư nghì; Nhất-lai hướng cho đến A-la-hán quả bất khả tư nghì nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng bất khả tư nghì; vì Dự-lưu hướng, Dự-lưu quả vô tri giác nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tri giác; Nhất-lai hướng cho đến A-la-hán quả vô tri giác nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tri giác; vì thế lực của Dự-lưu hướng, quả Dự-lưu chẳng thành tựu nên biết thế lực của Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu; thế lực của Nhất-lai hướng cho đến A-la-hán quả chẳng thành tựu nên biết thế lực của Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu.

Bạch Thế Tôn! Con nương vào ý này mà nói Bát-nhã-ba-la-mật-đa của đại Bồ-tát là đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Vì Độc-giác vô sanh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô sanh; quả vị Độc-giác vô sanh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô sanh; vì Độc-giác vô diệt nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô diệt; quả vị Độc-giác vô diệt nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô diệt; vì Độc-giác vô tự tánh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tự tánh; quả vị Độc-giác vô tự tánh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tự tánh; vì Độc-giác vô sở hữu nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô sở hữu; quả vị Độc-giác vô sở hữu nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô sở hữu; vì Độc-giác là không nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng là không; quả vị Độc-giác là không nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng là không; vì Độc-giác vô tướng nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tướng; quả vị Độc-giác vô tướng nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì Độc-giác vô nguyện nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; quả vị Độc-giác vô nguyện nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì Độc-giác viển ly nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng viển ly; quả vị Độc-giác viển ly nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng viển ly; vì Độc-giác tịch tịnh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng tịch tịnh; quả vị Độc-giác tịch tịnh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng tịch tịnh; vì Độc-giác bất khả đắc nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng bất khả đắc; quả vị Độc-giác bất khả đắc nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng bất khả đắc; vì Độc-giác bất khả tư nghì nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng bất khả tư nghì; quả vị Độc-giác bất khả tư nghì nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng bất khả tư nghì; vì Độc-giác vô tri giác nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tri giác; quả vị Độc-giác vô tri giác nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tri giác; vì thế lực của Độc-giác chẳng thành tựu nên biết thế lực của Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu; thế lực của quả vị Độc-giác chẳng thành tựu nên biết thế lực của Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu.

Bạch Thế Tôn! Con nương vào ý này mà nói Bát-nhã-ba-la-mật-đa của đại Bồ-tát là đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Vì đại Bồ-tát vô sanh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô sanh; hạnh đại Bồ-tát vô sanh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô sanh; vì đại Bồ-tát vô diệt nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô diệt; hạnh đại Bồ-tát vô diệt nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô diệt; vì đại Bồ-tát vô tự tánh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tự tánh; hạnh đại Bồ-tát vô tự tánh nên biết Bát-nhã-

ba-la-mật-đa cũng vô tự tánh; vì đại Bồ-tát vô sở hữu nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô sở hữu; hạnh đại Bồ-tát vô sở hữu nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô sở hữu; vì Đại Bồ-tát là không nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng là không; hạnh đại Bồ-tát là không nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng là không; vì đại Bồ-tát vô tướng nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tướng; hạnh đại Bồ-tát vô tướng nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì đại Bồ-tát vô nguyện nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; hạnh đại Bồ-tát vô nguyện nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì đại Bồ-tát viễn ly nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng viễn ly; hạnh đại Bồ-tát viễn ly nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng viễn ly; vì đại Bồ-tát tịch tịnh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng tịch tịnh; hạnh đại Bồ-tát tịch tịnh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng tịch tịnh; vì đại Bồ-tát bất khả đắc nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng bất khả đắc; hạnh đại Bồ-tát bất khả đắc nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng bất khả đắc; vì đại Bồ-tát bất khả tư nghì nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng bất khả tư nghì; hạnh đại Bồ-tát bất khả tư nghì nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng bất khả tư nghì; vì đại Bồ-tát vô tri giác nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tri giác; hạnh đại Bồ-tát vô tri giác nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tri giác; vì thế lực của đại Bồ-tát chẳng thành tựu nên biết thế lực của Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu; thế lực của hạnh đại Bồ-tát chẳng thành tựu nên biết thế lực của Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu.

Bạch Thế Tôn! Con nương vào ý này mà nói Bát-nhã-ba-la-mật-đa của đại Bồ-tát là đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Vì Như Lai Ứng Chánh đẳng Giác vô sanh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô sanh; quả vị giác ngộ cao tột vô sanh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô sanh; vì Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác vô diệt nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô diệt; quả vị giác ngộ cao tột vô diệt nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô diệt; vì Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác vô tự tánh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tự tánh; quả vị giác ngộ cao tột vô tự tánh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tự tánh; vì Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác vô sở hữu nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô sở hữu; quả vị giác ngộ cao tột vô sở hữu nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô sở hữu; vì Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác là không nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng không; quả vị giác ngộ cao tột là không nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng không; vì Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác vô tướng nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tướng;

quả vị giác ngộ cao tột vô tướng nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác vô nguyện nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; quả vị giác ngộ cao tột vô nguyện nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác viển ly nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng viển ly; quả vị giác ngộ cao tột viển ly nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng viển ly; vì Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác tịch tịnh; nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng tịch tịnh; quả vị giác ngộ cao tột tịch tịnh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng tịch tịnh; vì Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác bất khả đắc nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng bất khả đắc; quả vị giác ngộ cao tột bất khả đắc nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng bất khả đắc; vì Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác bất khả tư nghì nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng bất khả tư nghì; quả vị giác ngộ cao tột bất khả tư nghì nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng bất khả tư nghì; vì Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác vô tri giác nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tri giác; quả vị giác ngộ cao tột vô tri giác nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tri giác; vì thế lực của Như Lai Ứng Chánh đẳng giác chẳng thành tựu nên biết thế lực của Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu; thế lực của quả vị giác ngộ cao tột chẳng thành tựu nên biết thế lực của Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu.

Bạch Thế Tôn! Con nương vào ý này mà nói Bát-nhã-ba-la-mật-đa của đại Bồ-tát là đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Vì tất cả pháp vô sanh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô sanh; vì tất cả pháp vô diệt nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô diệt; vì tất cả pháp vô tự tánh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tự tánh; vì tất cả pháp vô sở hữu nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô sở hữu; tất cả pháp là không nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng không; vì tất cả pháp vô tướng nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vì tất cả pháp vô nguyện nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vì tất cả pháp viển ly nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng viển ly; vì tất cả pháp tịch tịnh nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng tịch tịnh; vì tất cả pháp bất khả đắc nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng bất khả đắc; vì tất cả pháp bất khả tư nghì nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng bất khả tư nghì; vì tất cả pháp vô tri giác nên biết Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng vô tri giác; vì thế lực của tất cả pháp chẳng thành tựu nên biết thế lực của Bát-nhã-ba-la-mật-đa cũng chẳng thành tựu.

Kinh Đại Bát Nhã Ba La Mật Đa

---

Bạch Thế Tôn! Con nương vào ý này mà nói Bát-nhã-ba-la-mật-đa của đại Bồ-tát là đại Ba-la-mật-đa.